TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông*** *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đ.

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Ông Tr và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây cuộc sống chung không hạnh phúc, ông và bà L thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhau, mâu thuẫn trầm trọng đến mức không chịu được nên đã sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình. Nay ông Tr nhận thấy mối quan hệ giữa ông và bà L không thể tiếp tục tồn tại nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung, tài sản và công nợ chung không có nên ông Tr không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận bà và ông Tr chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Hiện bà và ông Tr không còn sống chung cùng nhà, phận ai người đó lo, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Việc ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Tr là vợ chồng, bà L không phản đối. Bà L cũng yêu cầu Tòa án chấm dứt tình trạng vợ chồng giữa bà và ông Tr. Giữa bà và ông Tr không có con chung, tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa ông Tr, bà L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ cho đến trước thời điểm mở phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr; tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Trvà bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc ông Tr, bà L chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr, tuyên bố không công nhận ông Tr và bà L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông Tr phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điều 228; điều 238; điều 266 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr. Không công nhận ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Tr phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001746 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- UBND xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm